

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 3 năm 2018
V/v tranh chấp: "*Ly hôn*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Thị Hằng**

- Các hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Trần Lâm**

+ Bà **Nguyễn Thị Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trịnh Đức Thiện** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Bách** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 506/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2017, tranh chấp về "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 506/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 506/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Tấn T**, sinh năm 1991; Địa chỉ tại tổ 38, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

- Bị đơn: Bà **Đỗ Hoàng Phương D**, sinh năm 1992; Địa chỉ tại nhà số K313/42 đường N, tổ 47, phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Tấn T như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tấn T và bà Đỗ Hoàng Phương D xây dựng gia đình vào năm 2015, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2015 (Số 127/2015; *Quyển số 01/2015*) tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh

phúc đến tháng 8 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi và không ai còn quan tâm đến ai. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đỗ Hoàng Phương D.

Về quan hệ con chung: Ông T xác định không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có.

Bị đơn là bà Đỗ Hoàng Phương D, mặc dù đã được Tòa án làm các thủ tục triệu tập hợp lệ đến để giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng Bà vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tấn T về việc xin ly hôn đối với bà Đỗ Hoàng Phương D. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung ông T xác định không có nên Viện kiểm sát không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là bà Đỗ Hoàng Phương D để tham gia giải quyết vụ án cũng như triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội D: Ông Phạm Tấn T và bà Đỗ Hoàng Phương D xây dựng gia đình vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống đến tháng 8 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi và không ai quan tâm đến ai trong

cuộc sống. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ông được ly hôn với bà Đỗ Hoàng Phương D.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Tấn T, Hội đồng xét xử thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương thông cảm, chia sẻ và chăm sóc lẫn nhau, cùng phấn đấu xây dựng một gia đình hạnh phúc. Ông T và bà D chung sống hạnh phúc với nhau từ năm 2015 đến tháng 8 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi vã, không tin tưởng nhau về mọi mặt. Qua xác minh tại địa phương xác định mâu thuẫn của vợ chồng ông T và bà D là có thật. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi và không ai còn quan tâm đến ai, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ly hôn là cách tốt nhất để chấm dứt cuộc hôn nhân không hạnh phúc nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông T xác định Ông và bà D không có con chung. Tuyên nhiên, theo biên bản xác minh của Tòa án đối với bà Hồ Thị Xuân A (*là mẹ ruột của bà D*) thì được cung cấp thông tin giữa ông T và bà D có 01 người con chung là Đỗ Hoàng Bảo T, sinh ngày 31/12/2009. Ông T không thừa nhận cháu Đỗ Hoàng Bảo T là con ruột của mình, đồng thời trong giấy khai sinh chỉ có tên mẹ là Đỗ Hoàng Phương D, không có tên cha là ông Phạm Tấn T và cũng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện ông T là cha ruột của cháu Đỗ Hoàng Bảo T. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét về vấn đề con chung trong vụ án này. Sau khi xét xử, nếu ông T và bà D có tranh chấp hay yêu cầu về con chung thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có nên Tòa án không đề cập đến.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tấn T về tranh chấp “*Ly hôn*” đối với bà Đỗ Hoàng Phương D.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử: Cho ông Phạm Tấn T được ly hôn bà Đỗ Hoàng Phương D.

2. *Về con chung*: Ông T xác định không có nên không đề cập giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông T xác định không có nên Tòa án không đề cập đến.

4. *Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Phạm Tấn T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 007544, ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, ông Phạm Tấn T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn là ông Phạm Tấn T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Bị đơn là bà Đỗ Hoàng Phương D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng